

[illegible]

County (Condado) (Quận)	Unopposed Candidates Declared Elected (Candidato sin Oposición Declarado Electo) (Các ứng cử viên không đối thủ đã tuyên bố đã được chọn)	Unopposed Candidates Declared Elected (Candidato sin Oposición Declarado Electo) (Các ứng cử viên không đối thủ đã tuyên bố đã được chọn)
County Treasurer (Tesorero del Condado) (Thủ quỹ Quận) Shelly Akerly (REP) Pauline Medrano (DEM)	Judge, Court of Criminal Appeals, Place 2 (Juez, Corte de Apelaciones Criminales, Lugar Núm. 2) (Thẩm phán, Tòa phúc thẩm hình sự, Vị trí 2) Mary Lou Keel (REP) Member, State Board of Education, District 9 (Miembro de la Junta Estatal de Educación Pública, Distrito Núm. 9) (Ủy viên, Ủy ban Giáo dục Bang, Địa hạt 9) Keven M. Ellis (REP) State Senator, District 23 (Senador Estatal, Distrito Núm. 23) (Thượng nghị sĩ Tiểu bang, Địa hạt 23) Royce West (DEM) State Representative, District 104 (Representante Estatal, Distrito Núm. 104) (Dân biểu tiểu bang, Địa hạt 104) Jessica González (DEM) State Representative, District 109 (Representante Estatal, Distrito Núm. 109) (Dân biểu tiểu bang, Địa hạt 109) Carl O. Sherman (DEM) State Representative, District 110 (Representante Estatal, Distrito Núm. 110) (Dân biểu tiểu bang, Địa hạt 110) Toni Rose (DEM) State Representative, District 113 (Representante Estatal, Distrito Núm. 113) (Dân biểu tiểu bang, Địa hạt 113) Rhetta Andrews Bowers (DEM)	Criminal District Judge, Court No. 1 (Juez Criminal del Distrito, Corte Núm. 1) (Thẩm phán hình sự địa hạt, Tòa án Số 1) Tina Clinton (DEM) Criminal District Judge, Court No. 5 (Juez Criminal del Distrito, Corte Núm. 5) (Thẩm phán hình sự địa hạt, Tòa án Số 5) Carter Thompson (DEM) Criminal District Judge, Court No. 6 (Juez Criminal del Distrito, Corte Núm. 6) (Thẩm phán hình sự địa hạt, Tòa án Số 6) Nancy Mulder (DEM) Criminal District Judge, Court No. 7 (Juez Criminal del Distrito, Corte Núm. 7) (Thẩm phán hình sự địa hạt, Tòa án Số 7) Chika Anyiam (DEM) District Judge, 302nd Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 302) (Thẩm phán gia đình địa hạt, Quan tòa địa hạt thứ 302) Sandra Jackson (DEM) District Judge, 304th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 304) (Thẩm phán gia đình địa hạt, Quan tòa địa hạt thứ 304) Andrea Martin Lane (DEM) District Judge, 305th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 305) (Thẩm phán gia đình địa hạt, Quan tòa địa hạt thứ 305) Cheryl Lee Shannon (DEM) District Judge, 330th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 330) (Thẩm phán gia đình địa hạt, Quan tòa địa hạt thứ 330) Andrea Plumlee (DEM)
Proposition A: “Authorizing the city of Dallas to provide for the planning, acquisition, establishment, development, construction, renovation and financing of the expansion of the Kay Bailey Hutchison Convention Center Dallas, a venue within the city of the type described and defined in section 334.001(4)(b) of and permitted by chapter 334, Local Government Code, as amended (the “Act”), designated by Resolution 22-0660 (the “Resolution”) and described in summary form as an expansion of a convention center facility described in Sections 334.001(4)(b) and 334.2518 of the Act, and by Section 351.001(2), Tax Code, as amended, and related infrastructure as defined in the Act, including demolition costs (collectively, the “Convention Center Expansion Venue Project”); and authorizing the city of Dallas to provide for the planning, acquisition, establishment, development, construction, renovation and financing of certain Fair Park facilities, a venue within the city of the type described and defined in section 334.001(4)(d) of and permitted by the act, designated by the Resolution and described in summary form pursuant to section 334.2518 of the act as the acquisition, construction and improvement of the Automobile Building, the Centennial Building, the Band Shell, the Music Hall, the Cotton Bowl and the Coliseum, and related infrastructure as defined in the Act (collectively, the “Fair Park Facilities Venue Project” and, together with the Convention Center Expansion Venue Project, the “Venue Projects”) and to impose a new hotel occupancy tax at the rate of two percent (2%) for the purpose of financing the venue projects; and approving the resolution. If approved, the maximum hotel occupancy tax rate imposed from all sources in the city of Dallas would be fifteen percent (15%) of the price paid for a room in a hotel.” (Proposición A:) (“Autorizar a la ciudad de Dallas a disponer para la planificación, la adquisición, el establecimiento, el desarrollo, la construcción, la renovación y el financiamiento de la ampliación del Kay Bailey Hutchison Convention Center Dallas, un lugar dentro de la ciudad del tipo descrito y definido en la sección 334.001(4)(b) del Código de Gobierno Local y permitido por el capítulo 334 del Código de Gobierno Local y sus enmiendas (la “Ley”), designado por la Resolución 22-0660 (la “Resolución”) y descrito en forma resumida como una ampliación de una instalación de centro de convenciones descrita en las secciones 334.001(4)(b) y 334.2518 de la Ley y por la sección 351.001(2) del Código Tributario y sus enmiendas, e infraestructura vinculada según se define en la Ley, incluidos los costos de demolición (en conjunto, el “Proyecto de ampliación del lugar del centro de convenciones”); y autorizar a la ciudad de Dallas a disponer para la planificación, la adquisición, el establecimiento, el desarrollo, la construcción, la renovación y el financiamiento de determinadas instalaciones del Fair Park, un lugar dentro de la ciudad del tipo descrito y definido en la sección 334.001(4)(d) de la Ley y permitido por la Ley, designado por la Resolución y descrito en forma resumida en virtud de la sección 334.2518 de la Ley como la adquisición, la construcción y la mejora del Automobile Building, el Centennial Building, el Band Shell, el Music Hall, el Cotton Bowl y el Coliseum, e infraestructura vinculada según se define en la Ley (en conjunto, el “Proyecto de instalaciones del lugar del Fair Park” y junto con el Proyecto de ampliación del lugar del centro de convenciones, los “Proyectos de los lugares”) y a imponer un nuevo impuesto a la ocupación hotelera a la tasa del dos por ciento (2%) para el propósito de financiar los proyectos de los lugares; y aprobar la resolución. En caso de aprobarse, la tasa de impuestos máxima a la ocupación hotelera impuesto de todas las fuentes de la Ciudad de Dallas sería quince por ciento (15%) del precio pagado por una habitación en un hotel.”) (Đề xuất A:) (“Cho phép thành phố Dallas quy định việc hoạch định, mua lại, xây, xây dựng, tu bổ và cấp vốn cho việc mở rộng Kay Bailey Hutchison Convention Center Dallas, một địa điểm nằm trong phạm vi thành phố như mô tả và định nghĩa trong mục 334.001(4)(b) và được phép theo chương 334, Bộ Luật Chính Quyền Địa Phương, bản tu chính (“Đạo Luật”), theo quy định của Nghị Quyết 22-0660 (“Nghị Quyết”) và như mô tả tóm tắt là phần mở rộng của một trung tâm hội nghị mô tả trong các Mục 334.001(4)(b) và 334.2518 của Đạo Luật, và theo Mục 351.001(2), Bộ Luật Thuế Vụ, bản tu chính, và cơ sở hạ tầng liên quan như định nghĩa trong Đạo Luật, bao gồm cả chi phí tháo dỡ (gọi chung là “Dự Án Mở Rộng Trung Tâm Hội Nghị”); và cho phép thành phố Dallas quy định việc hoạch định, mua lại, xây, xây dựng, tu bổ và cấp vốn cho một số cơ sở vật chất Fair Park, một địa điểm nằm trong phạm vi thành phố như mô tả và định nghĩa trong mục 334.001(4)(d) như được phép theo đạo luật, theo quy định của Nghị Quyết và như mô tả tóm tắt chiểu theo mục 334.2518 của đạo luật là việc mua lại, xây và nâng cấp Automobile Building, Centennial Building, Band Shell, Music Hall, Cotton Bowl và Coliseum, và cơ sở hạ tầng liên quan như định nghĩa trong Đạo Luật (gọi chung là “Dự Án Địa Điểm Cơ Sở Vật Chất Fair Park”, và cùng với Dự Án Địa Điểm Mở Rộng Trung Tâm Hội Nghị, “Các Dự Án Địa Điểm”) và áp dụng một khoản thuế lưu trú khách sạn mới ở mức hai phần trăm (2%) để cấp vốn cho các dự án nói trên; và phê chuẩn nghị quyết. Nếu được phê chuẩn, mức thuế suất lưu trú khách sạn tối đa áp dụng từ tất cả các nguồn trong thành phố Dallas sẽ là mười lăm phần trăm (15%) mức giá trả cho một phòng khách sạn.”) For (A Favor) (Thuận) Against (En Contra) (Chống)	District Judge, 68th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 68) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 68) Martin Hoffman (DEM) District Judge, 101st Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 101) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 101) Staci Williams (DEM) District Judge, 116th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 116) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 116) Tonya Parker (DEM) District Judge, 134th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 134) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 134) Dale Tillery (DEM) District Judge, 160th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 160) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 160) Aiesha Redmond (DEM) District Judge, 191st Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 191) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 191) Gena Slaughter (DEM) District Judge, 192nd Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 192) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 192) Maria Aceves (DEM) District Judge, 193rd Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 193) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 193) Bridgett Whitmore (DEM) District Judge, 194th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 194) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 194) Ernest White (DEM) District Judge, 195th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 195) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 195) Hector Garza (DEM) District Judge, 203rd Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 203) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 203) Raquel "Rocky" Jones (DEM) District Judge, 204th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 204) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 204) Tammy Kemp (DEM) District Judge, 254th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 254) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 254) Kim Brown (DEM) District Judge, 255th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 255) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 255) Vonda Bailey (DEM) District Judge, 256th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 256) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 256) Sandre Streete (DEM) District Judge, 265th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 265) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 265) Jennifer Bennett (DEM) District Judge, 282nd Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 282) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 282) Amber Givens (DEM) District Judge, 283rd Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 283) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 283) Lela Lawrence Mays (DEM) District Judge, 291st Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 291) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 291) Stephanie N. Mitchell Huff (DEM) District Judge, 292nd Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 292) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 292) Brandon Birmingham (DEM) District Judge, 298th Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 298) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 298) Emily Tobolowsky (DEM) District Judge, 363rd Judicial District (Juez del Distrito, Distrito Judicial Núm. 363) (Thẩm phán Địa hạt, Địa hạt Tư pháp 363) Tracy Holmes (DEM)	Judge, County Court at Law No. 2 (Juez, Corte de Ley del Condado Núm. 2) (Thẩm phán, Tòa án Quận theo Luật số 2) Melissa J Bellan (DEM) Judge, County Court at Law No. 3 (Juez, Corte de Ley del Condado Núm. 3) (Thẩm phán, Tòa án Quận theo Luật số 3) Sally Montgomery (DEM) Judge, County Criminal Court at Law No. 1 (Juez, del Tribunal Penal del Condado en la ley No. 1) (Thẩm phán, Tòa án Hình sự Quận tại Luật số 1) Marilynn Mayse (DEM) Judge, County Criminal Court at Law No. 2 (Juez, del Tribunal Penal del Condado en la ley No. 2) (Thẩm phán, Tòa án Hình sự Quận tại Luật số 2) Julia Hayes (DEM) Judge, County Criminal Court at Law No. 3 (Juez del Tribunal Penal del Condado en la ley No. 3) (Thẩm phán, Tòa án Hình sự Quận tại Luật số 3) Audrey Faye Moorehead (DEM) Judge, County Criminal Court at Law No. 4 (Juez del Tribunal Penal del Condado en la ley No. 4) (Thẩm phán, Tòa án Hình sự Quận tại Luật số 4) Dominique Torres Williams (DEM) Judge, County Criminal Court at Law No. 5 (Juez del Tribunal Penal del Condado en la ley No. 5) (Thẩm phán, Tòa án Hình sự Quận tại Luật số 5) Lisa Green (DEM) Judge, County Criminal Court at Law No. 6 (Juez del Tribunal Penal del Condado en la ley No. 6) (Thẩm phán, Tòa án Hình sự Quận tại Luật số 6) Angela M. King (DEM) Judge, County Criminal Court at Law No. 7 (Juez del Tribunal Penal del Condado en la ley No. 7) (Thẩm phán, Tòa án Hình sự Quận tại Luật số 7) Remeko Tranisha Edwards (DEM) Judge, County Criminal Court at Law No. 8 (Juez del Tribunal Penal del Condado en la ley No. 8) (Thẩm phán, Tòa án Hình sự Quận tại Luật số 8) Carmen White (DEM) Judge, County Criminal Court at Law No. 9 (Juez del Tribunal Penal del Condado en la ley No. 9) (Thẩm phán, Tòa án Hình sự Quận tại Luật số 9) Peggy Hoffman (DEM) Judge, County Criminal Court at Law No. 10 (Juez del Tribunal Penal del Condado en la ley No. 10) (Thẩm phán, Tòa án Hình sự Quận tại Luật số 10) Monique J. Bracey Huff (DEM) Judge, County Criminal Court at Law No. 11 (Juez del Tribunal Penal del Condado en la ley No. 11) (Thẩm phán, Tòa án Hình sự Quận tại Luật số 11) Shequitta D. Kelly (DEM)
	Judge, County Criminal Court of Appeals, No. 1 (Juez, Corte Criminal del Condado de Apelaciones, Núm. 1) (Thẩm phán, Tòa phúc thẩm hình sự quận, số 1) Kristin Wade (DEM) Judge, County Criminal Court of Appeals, No. 2 (Juez, Corte Criminal del Condado de Apelaciones, Núm. 2) (Thẩm phán, Tòa phúc thẩm hình sự quận, số 2) Pamela Luther (DEM) Judge, County Probate Court No. 1 (Juez, Corte Testamentaria del Condado Núm. 1) (Thẩm phán, Tòa phúc thẩm hình sự quận, số 1) Julia Malveaux (DEM) Judge, County Probate Court No. 2 (Juez, Corte Testamentaria del Condado Núm. 2) (Thẩm phán, Tòa phúc thẩm hình sự quận, số 2) Ingrid Michelle Warren (DEM) Judge, County Probate Court No. 3 (Juez, Corte Testamentaria del Condado Núm. 3) (Thẩm phán, Tòa phúc thẩm hình sự quận, số 3) Margaret Jones-Johnson (DEM) District Clerk (Secretario del Distrito) (Thủ quỹ Quận) Felicia Pitre (DEM) County Clerk (Secretario del Condado) (Thư ký quận hạt) John F. Warren (DEM) Justice of the Peace, Precinct No. 1, Place 1 (Juez de Paz, Precinto Núm. 1, Lugar Núm. 1) (Thẩm phán trị an, Phân khu bầu cử 1, Vị trí 1) Thomas G. Jones (DEM) Justice of the Peace, Precinct No. 1, Place 2 (Juez de Paz, Precinto Núm. 1, Lugar Núm. 2) (Thẩm phán trị an, Phân khu bầu cử 1, Vị trí 2) Valencia Nash (DEM) Justice of the Peace, Precinct No. 3, Place 2 (Juez de Paz, Precinto Núm. 3, Lugar Núm. 2) (Thẩm phán trị an, Phân khu bầu cử 3, Vị trí 2) Steve Seider (REP) Justice of the Peace, Precinct No. 4, Place 2 (Juez de Paz, Precinto Núm. 4, Lugar Núm. 2) (Thẩm phán trị an, Phân khu bầu cử 4, Vị trí 2) Sasha Moreno (DEM) Justice of the Peace, Precinct No. 5, Place 1 (Juez de Paz, Precinto Núm. 5, Lugar Núm. 1) (Thẩm phán trị an, Phân khu bầu cử 5, Vị trí 1) Sara Martinez (DEM) Justice of the Peace, Precinct No. 5, Place 2 (Juez de Paz, Precinto Núm. 5, Lugar Núm. 2) (Thẩm phán trị an, Phân khu bầu cử 5, Vị trí 2) Juan Jasso (DEM) Constable, Precinct No. 1 (Condestable, Precinto Núm. 1)(Canh sát mật vụ, Phân khu bầu cử 1) Tracey Gulley (DEM)	
		Vote Both Sides Ballot 1 of 1 (Vote ambos lados) (Boleta 1 de 1) (Bỏ phiếu cả hai bên) (Phiếu 1 trong 2)
		Typ:01 Seq:0888 Spl:01